

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M'ĐRẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 10/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 10 - 9 - 2020  
V/v Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Thế Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Y Đo Niê; bà Phạm Thị Thu Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Vũ Văn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk** tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị N sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn 5, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Có mặt.

**- Bị đơn:** ông Nguyễn Kiều H sinh năm 1983. Nơi ĐKKHKT: thôn 5, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Địa chỉ: thôn 17, xã E1, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** bà Tô Thị P sinh năm 1960. Địa chỉ: thôn 18, xã E1, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Kiều H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Đ vào ngày 09 tháng 3 năm 2004. Việc kết giữa ông H và bà N hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống, ông H và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, ông H thường uống rượu say xỉn và gây sự, chửi bới, đánh đập, xúc phạm bà N. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên ông bà đã bán nhà, không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2020. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: bà N và ông H có 02 con là Nguyễn Huy H1 sinh ngày 20/01/2005 và Nguyễn Hoàng P1 sinh ngày 26/9/2011. Từ khi vợ chồng không chung sống với nhau, bà N nuôi con Nguyễn Huy H1, còn ông H nuôi con Nguyễn Hoàng P1. Khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Tuy nhiên, nếu ông H có nguyện vọng nuôi con, bà N yêu cầu được nuôi con Nguyễn Huy H1, ông H nuôi con Nguyễn Hoàng P1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Bà N và ông H tự thỏa thuận, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản và nợ chung.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Kiều H trình bày không đồng ý ly hôn với bà N và yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

\* Theo đơn yêu cầu độc lập và bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị P trình bày:

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, bà P có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Kiều H và bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà P 30.287.500 đồng, bao gồm 27.500.000 đồng tiền gốc và 2.787.500 đồng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 28/02/2019. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà P đã thỏa thuận được với bà N về việc giải quyết tranh chấp, nên bà P rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông H. Giao con chung Nguyễn Huy H1 sinh ngày 20/01/2005 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con Nguyễn Hoàng P1 sinh ngày 26/9/2011 cho ông Nguyễn Kiều H trực tiếp dưỡng; Đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu độc lập của bà Tô Thị P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Bị đơn ông Nguyễn Kiều H có hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị P có đơn yêu cầu độc lập, nhưng bà P đã rút lại toàn bộ yêu cầu trước khi mở phiên tòa. HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà P.

Bị đơn ông Nguyễn Kiều H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, HĐXX giải quyết vắng mặt ông H và bà P.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Kiều H và bà Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào ngày 09/3/2004. Hôn nhân giữa ông H và bà N là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa ông H và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nên ông H và bà N đã không chung sống với nhau từ nhiều tháng nay. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng không trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Qua xác minh, ông H và bà N đã bán nhà, mỗi người sinh sống một nơi. Tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Kiều H.

[2.2] Về nuôi con chung: bà N và ông H có 02 con là Nguyễn Huy H1 sinh ngày 20/01/2005 và Nguyễn Hoàng P1 sinh ngày 26/9/2011. Các con đều có nguyện vọng được bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, sau khi ông H và bà N không chung sống với nhau, cháu H1 hiện nay đang sinh sống với bà N tại nhà bố mẹ bà N, cháu P1 đang sinh sống với ông H tại nhà bố mẹ ông H. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX giao con cho bà N trực tiếp nuôi con Nguyễn Huy H1, ông H trực tiếp nuôi con Nguyễn Hoàng P1 là phù hợp. Không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do vậy việc cấp dưỡng nuôi con HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nếu có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, gia đình;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Kiều H.

2. Về nuôi con chung:

Giao con Nguyễn Huy H1 sinh ngày 20/01/2005 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con Nguyễn Hoàng P1 sinh ngày 26/9/2011 cho ông Nguyễn Kiều H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Tô Thị P yêu cầu ông Nguyễn Kiều H và bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà P 30.287.500 đồng, bao gồm 27.500.000 đồng tiền gốc và 2.787.500 đồng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tiền ngày 28/02/2019.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai số AA/2019/0003464 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

- Trả lại cho bà Tô Thị P 758.000 đồng mà bà P đã nộp tiền tạm ứng án phí theo, biên lai số AA/2019/0003490 ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

5. Thông báo quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- UBND xã EaHMLay;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thế Dương**